

quan tỉnh, thành phố, đặc khu gửi ngay về Tổng cục Hải quan, Bộ Văn hóa, Bộ Nội vụ mỗi thứ một bản kèm theo biên bản phạm pháp và quyết định xử lý tịch thu. (Nếu chỉ có một bản thì gửi về Tổng cục Hải quan để Tổng cục chuyển cho Bộ Văn hóa hoặc cho Bộ Nội vụ tùy theo văn hóa phẩm có nội dung phản động hoặc đồi trụy như đã nói trong thông tư Liên Bộ Văn hóa - Nội vụ số 855-TT/LB ngày 12-4-1984).

Số còn lại phải tổ chức tiêu hủy ngay, có lập biên bản và có đại diện của các cơ quan công an, văn hóa cấp tỉnh, thành phố, đặc khu cùng ký.

d) Các loại phim chiếu bóng, băng ghi hình, băng cát sét có nội dung phản động, đồi trụy, do hải quan cửa khẩu bắt giữ phải niêm phong ngay. Sau khi ra quyết định xử lý tịch thu, thì Hải quan tỉnh, thành phố, đặc khu phải gửi ngay về Tổng cục Hải quan, Bộ Nội vụ, Bộ Văn hóa mỗi thứ một bản kèm theo biên bản phạm pháp và quyết định xử lý tịch thu. (Nếu chỉ có một bản thì gửi về Tổng cục Hải quan để Tổng cục chuyển cho Bộ Văn hóa hoặc cho Bộ Nội vụ như nói ở điểm c để xử lý).

Trong khi chờ đợi ý kiến quyết định của Tổng cục Hải quan, Giám đốc Hải quan tỉnh, thành phố, đặc khu phải bảo quản chu đáo, nghiêm cấm sử dụng dưới bất cứ hình thức nào, kể cả cho các cơ quan khác mượn.

đ) Các loại đồ cồng xuất khẩu trái phép sau khi lập biên bản phạm pháp, thì trong khi chờ xử lý, hải quan cửa khẩu phải chuyển giao ngay cho cơ quan văn hóa cấp tỉnh, thành phố, đặc khu bảo quản. Việc chuyển giao tang vật phạm pháp phải lập biên bản và niêm phong chu đáo.

#### IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Định kỳ hàng năm, thủ trưởng hai ngành Văn hóa, Hải quan ở trung ương và các địa phương có cửa khẩu họp một lần

để kiểm điểm đánh giá công việc phối hợp và giải quyết những vấn đề do tình hình mới đặt ra.

2. Ở các cửa khẩu chưa có cán bộ văn hóa, cán bộ hải quan đảm nhiệm việc kiểm tra và quản lý văn hóa phẩm xuất nhập khẩu. Đối với văn hóa phẩm cần giữ lại để kiểm tra thì cán bộ hải quan lập biên bản và kịp thời thông báo cho cơ quan văn hóa địa phương cử người đến nhận và xử lý.

3. Thông tư này có hiệu lực từ ngày ký. Các quy định trước đây về quan hệ phối hợp giữa hai ngành Văn hóa và Hải quan trong việc kiểm tra và quản lý xuất nhập khẩu văn hóa phẩm trái với thông tư này đều bãi bỏ.

Tổng cục trưởng  
Tổng cục Hải quan

K.T. Bộ trưởng Bộ  
Văn hóa

Thủ trưởng thứ nhất

NGUYỄN TÀI

TRẦN VĂN PHẠC

#### BỘ TÀI CHÍNH - THỦY LỢI

**THÔNG TƯ** liên Bộ Tài chính - Thủy lợi số 43-TC/TTLB ngày 14-12-1985 quy định về chế độ quản lý tài chính xí nghiệp quản lý và khai thác thủy nông.

#### I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Xí nghiệp quản lý và khai thác thủy nông (dưới đây gọi tắt là xí nghiệp thủy nông) là xí nghiệp quốc doanh dịch vụ kỹ thuật mang tính chất công nghiệp có nhiệm vụ khai thác, dự trữ, điều hòa nước



phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và các ngành kinh tế quốc dân khác theo nhiệm vụ được duyệt.

Đề tận dụng tiềm năng lao động, kỹ thuật, thiết bị của hệ thống công trình, xí nghiệp thủy nông có thể tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh ngoài cơ bản như trồng cây, nuôi cá, xay xát, sửa chữa máy bơm...

2. Xí nghiệp thủy nông là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân, hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, được mở tài khoản ở Ngân hàng Nhà nước, được trực tiếp ký kết hợp đồng kinh tế với các hộ sử dụng nước, các đơn vị cung ứng vật tư, lao vụ và các đơn vị sản xuất khác, được Nhà nước cấp vốn cố định, vốn lưu động, được Ngân hàng Nhà nước cho vay vốn, được hưởng các chế độ tiền lương, tiền thưởng và được trích lập các quỹ xí nghiệp theo chế độ hiện hành. Riêng quỹ khuyến khích phát triển sản xuất tạm thời chưa trích. Nếu xí nghiệp có nhu cầu chi về cải tiến kỹ thuật, mở rộng sản xuất, mua sắm tài sản cố định giá trị không lớn... được cấp có thẩm quyền duyệt sẽ do quỹ thủy nông tỉnh cấp hoặc vay Ngân hàng Nhà nước.

Xí nghiệp thủy nông phải thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ, thể lệ quản lý kinh tế tài chính của Nhà nước.

## II. CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

### A. Kế hoạch hóa.

Hàng năm, xí nghiệp thủy nông căn cứ vào nhiệm vụ được giao, năng lực tưới tiêu của hệ thống công trình và các định mức kinh tế — kỹ thuật được duyệt, xây dựng hệ thống kế hoạch sản xuất — kỹ thuật — tài chính có chất lượng cao, được cân đối tích cực và vững chắc.

Hệ thống kế hoạch sản xuất, kỹ thuật, tài chính gồm các phần:

1. Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ (kế hoạch tưới tiêu).

2. Kế hoạch khoa học kỹ thuật.

3. Kế hoạch xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn tài sản cố định.

4. Kế hoạch lao động tiền lương.

5. Kế hoạch vật tư, thiết bị và năng lượng.

6. Kế hoạch chi phí sản xuất và chi phí bình quân cho một hécta tưới tiêu.

7. Kế hoạch tài chính và tín dụng.

8. Kế hoạch trích lập và sử dụng quỹ thủy nông.

### B. Quản lý tài sản và vốn cố định,

Tài sản cố định của xí nghiệp thủy nông được xây dựng và mua sắm bằng nguồn vốn đầu tư của Ngân sách Nhà nước, vốn vay của Ngân hàng, vốn tự có của xí nghiệp và quỹ thủy nông của tỉnh.

Tài sản cố định trong các xí nghiệp thủy nông được chia thành các loại sau đây:

1. Nhà cửa.

2. Vật liệu kiến trúc bao gồm hồ đập; cầu và cống; kênh mương; v.v.,..

3. Máy móc thiết bị động lực.

4. Máy móc thiết bị công tác.

5. Thiết bị truyền dẫn.

6. Công cụ.

7. Dụng cụ làm việc, đo lường, thí nghiệm.

8. Thiết bị và phương tiện vận tải.

9. Dụng cụ quản lý.

10. Tài sản cố định khác.

Việc tổ chức quản lý hạch toán tài sản cố định thực hiện theo chế độ kế toán tài sản cố định số 222-TC/CĐKT ngày 11-10-1980 của Bộ Tài chính.

Xí nghiệp thủy nông phải tính và trích khấu hao cơ bản, khấu hao sửa chữa lớn đối với tất cả tài sản cố định đã đưa vào sử dụng. Riêng đối với những tài sản cố



định sau đây tạm thời, chỉ trích khấu hao sửa chữa lớn không trích khấu hao cơ bản :

- Hồ, đập,
- Cầu, cống, âu thuyền,
- Kênh mương,
- Máy bơm điện lớn có lưu lượng từ 8000m<sup>3</sup>/h trở lên.

Tỷ lệ khấu hao cụ thể cho từng loại tài sản do Bộ Thủy lợi hướng dẫn sau khi bàn bạc thống nhất với Bộ Tài chính. Vốn khấu hao cơ bản và khấu hao sửa chữa lớn phải nộp toàn bộ vào quỹ thủy nông của tỉnh ngay sau khi xí nghiệp thu được thủy lợi phí. Riêng khấu hao cơ bản của những tài sản cố định mua sắm bằng nguồn vốn vay ngân hàng (nếu có) thì nộp trả ngân hàng.

### C. Quản lý vốn lưu động.

Xí nghiệp thủy nông được xác định định mức vốn lưu động và được Ngân hàng Nhà nước cho vay như các xí nghiệp sản xuất kinh doanh khác (nguyên tắc, nội dung và phương pháp xác định mức vốn lưu động và thủ tục xét duyệt cụ thể do Bộ Thủy lợi hướng dẫn sau khi thống nhất với Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

### D. Hạch toán chi phí sản xuất.

Chi phí sản xuất của xí nghiệp thủy nông bao gồm các chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính và chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh phụ :

a) Chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính là những khoản chi phí cho việc hoàn thành nhiệm vụ tưới, tưới nước bao gồm các khoản mục sau :

1. Nguyên vật liệu,
2. Nhiên liệu dùng vào sản xuất,
3. Năng lượng dùng vào sản xuất,
4. Lương và phụ cấp lương của công nhân sản xuất,

5. Chi phí sử dụng máy móc thiết bị; trong đó có khấu hao máy móc thiết bị,

6. Khấu hao sửa chữa lớn hồ, đập, cống, kênh mương,

7. Chi phí sửa chữa thường xuyên hồ, đập, cống kênh mương,

8. Chi phí tính trả xí nghiệp quản lý đầu mối,

9. Chi phí quản lý các trạm, cụm,

10. Chi phí quản lý xí nghiệp,

11. Chi phí ngoài sản xuất

12. Chi phí khác.

Xí nghiệp thủy nông phải dựa vào các định mức kinh tế — kỹ thuật tính toán chi phí sản xuất theo điều kiện thời tiết bình thường và tính chi phí bình quân cho 1 hécta tưới tiêu 1 năm và chi phí bình quân cho 1 hécta tưới tiêu 1 vụ làm căn cứ để lập kế hoạch, đánh giá thực hiện kế hoạch chi phí sản xuất (hạ giá thành).

Trên cơ sở hoàn thành nhiệm vụ được giao, xí nghiệp phải phấn đấu giảm chi phí đến mức thấp nhất, nhưng không được cắt xén các khoản chi phí cần thiết, nhất là các khoản chi tu bổ, sửa chữa thường xuyên công trình.

Những năm thời tiết không bình thường sẽ được xem xét cụ thể để đánh giá đúng việc thực hiện kế hoạch của xí nghiệp.

b) Chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh phụ là những khoản chi phí cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh ngoài nhiệm vụ tưới, tiêu nhằm tận dụng những điều kiện thuận lợi sẵn có về lao động, năng lực công trình, v.v...

### E. Tổ chức bộ máy kế toán.

Xí nghiệp phải tổ chức bộ máy kế toán và công tác kế toán theo đúng quy định trong điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước, cụ thể là:

— Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ bao gồm những kế toán viên có đủ năng lực và phẩm chất đạo đức.



— Các xí nghiệp thủy nông được áp dụng chế độ kế toán công nghiệp.

— Mở đầy đủ hệ thống sổ sách kế toán theo quy định của Nhà nước.

— Ghi chép đầy đủ, chính xác, kịp thời mọi hoạt động kinh tế phát sinh, tình hình quản lý, sử dụng các nguồn vốn, tài sản cố định, tình hình nhập, xuất tồn kho vật tư, tình hình sử dụng lao động, vật tư, năng lượng và các khoản chi phí khác, tình hình thu thủy lợi phí, vận tải phí, thu sản xuất kinh doanh phụ, tình hình thanh toán các khoản phải nộp vào quỹ thủy nông của tỉnh, tình hình trích và sử dụng quỹ dự phòng ở xí nghiệp. Kế toán trưởng của xí nghiệp thủy nông là kiểm soát viên của Nhà nước về bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa và sử dụng hợp lý tài sản, vật tư, tiền vốn của xí nghiệp thủy nông, có trách nhiệm giúp giám đốc tổ chức chỉ đạo công tác kế toán ở xí nghiệp.

Giám đốc xí nghiệp có trách nhiệm tạo mọi điều kiện cho kế toán trưởng hoàn thành nhiệm vụ và thường xuyên kiểm tra công việc của kế toán trưởng.

### G. Quản lý các nguồn thu.

Các khoản thu của xí nghiệp thủy nông bao gồm:

a) Thu về sản xuất kinh doanh chính gồm có:

— Thu thủy lợi phí: thu về phục vụ nước tưới tiêu cho lúa, rau, màu, cây công nghiệp, cây ăn quả, thu của ngành thủy sản về nuôi cá...

— Thu vận tải phí (thuyền, bè, xà lan qua âu, cống).

b) Thu về sản xuất kinh doanh phụ gồm có:

— Thu về tiêu thụ các sản phẩm phụ như cây trồng, cá nuôi, xay xát, sửa chữa máy bơm...

c) Các khoản thu khác là các khoản thu được chính quyền địa phương cho phép ngoài phạm vi quy định trong Nghị định số 112-HĐBT ngày 25-8-1984 của Hội đồng Bộ trưởng và Thông tư hướng dẫn số

47-TT/LB ngày 2-11-1984 của Liên Bộ Thủy Lợi — Tài chính như cấp nước công nghiệp, tiêu úng đô thị...

d) Nếu xí nghiệp đã thu đến mức tối đa theo quy định mà vẫn không đủ bảo đảm chi phí hợp lý được duyệt hoặc do thiên tai lớn gây mất mùa phải miễn giảm thủy lợi phí, xí nghiệp được quỹ thủy nông tỉnh cấp bù, nếu quỹ thủy nông không đủ thì ngân sách địa phương trợ cấp đặc biệt.

Thủy lợi phí là khoản thu chủ yếu của xí nghiệp thủy nông, xí nghiệp có trách nhiệm tính đúng số phải thu ở từng đơn vị sử dụng nước theo quy định của Nghị định số 112-HĐBT ngày 25-8-1984 của Hội đồng Bộ trưởng, Thông tư hướng dẫn số 47-TT/LB ngày 2-11-1984 của Liên Bộ Thủy lợi — Tài chính và các quy định của Ủy ban Nhân dân tỉnh.

Xí nghiệp thủy nông phải tổng hợp đầy đủ số được thu của đơn vị mình về giá trị và hiện vật báo cáo Ủy ban Nhân dân huyện và làm kịp thời các thủ tục cần thiết với các cơ quan lương thực, tài chính, ngân hàng... đồng thời theo dõi và đôn đốc các đơn vị sử dụng nước nộp thủy lợi phí nhanh, gọn, đúng chính sách, đúng mức quy định và đôn đốc cơ quan lương thực thanh toán tiền kịp thời vào tài khoản của xí nghiệp mình.

Xí nghiệp thủy nông phải quản lý chặt chẽ và sử dụng nguồn thu theo đúng quy định kể cả các khoản cấp bù của quỹ thủy nông tỉnh, các khoản trợ cấp đặc biệt của ngân sách địa phương (nếu có).

### H. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ.

Lợi nhuận của xí nghiệp thủy nông bao gồm lợi nhuận của sản xuất kinh doanh chính và lợi nhuận của sản xuất kinh doanh phụ.

a) Lợi nhuận của sản xuất kinh doanh chính được định mức bằng 18% quỹ lương cấp bậc của công nhân viên sản xuất kinh doanh chính được duyệt, xí nghiệp thủy nông phải lập kế hoạch lợi nhuận và



phân phối lợi nhuận cùng với hệ thống kế hoạch sản xuất — kỹ thuật — Tài chính hàng năm để làm căn cứ đánh giá kết quả tài chính và trích lập các quỹ xí nghiệp.

Những xí nghiệp thủy nông hoạt động trong điều kiện vùng đất đai cằn cỗi năng suất lương thực thấp, biện pháp công trình tưới tiêu phức tạp, thời tiết khắc nghiệt... có tổng số chi phí được duyệt lớn hơn tổng số thu (đã được tính toán chặt chẽ). Nếu đạt được mức chênh lệch đã duyệt được coi là hoàn thành kế hoạch lợi nhuận. Nếu số chênh lệch thực tế thấp hơn số chênh lệch đã được duyệt thì phần giảm thấp hơn được coi là lợi nhuận vượt kế hoạch.

b) Lợi nhuận sản xuất phụ là chênh lệch giữa số thực tế thu được trong quá trình tiêu thụ sản phẩm và lao vụ của các hoạt động sản xuất phụ và chi phí cho các hoạt động đó.

Mức lợi nhuận được xác định như trên (a + b) được dùng làm căn cứ xét duyệt và trích lập các quỹ xí nghiệp.

c) Lợi nhuận trong các xí nghiệp thủy nông được phân phối như sau :

— Lợi nhuận trong kế hoạch được dùng cho việc trích lập quỹ xí nghiệp (2 quỹ khen thưởng và phúc lợi);

— Lợi nhuận vượt kế hoạch được phân phối 50% bổ sung 2 quỹ xí nghiệp,

50% chuyển vào quỹ dự phòng.

Lợi nhuận sản xuất phụ được phân phối như quy định hiện hành đối với các xí nghiệp công nghiệp.

d) Những xí nghiệp thủy nông được duyệt số chi lớn hơn thu nếu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch cũng được trích lập các quỹ như các xí nghiệp thủy nông khác (kể cả quỹ dự phòng).

Số tiền dự kiến được trích, xí nghiệp phải lập dự toán cùng với kế hoạch chi phí sản xuất để cơ quan chủ quản và cơ quan tài chính duyệt ngay từ đầu năm và sau mỗi vụ thu hoạch được xét tạm cấp 70% cùng với khoản chênh lệch chi lớn hơn thu bằng quỹ thủy nông của tỉnh hoặc bằng cấp phát ngân sách (nếu có). Sau khi

có quyết toán chính thức cả năm, xí nghiệp được xét cấp bổ sung đủ số được trích. Nếu linh quá phải trừ vào quỹ được trích của năm sau.

Nguyên tắc, nội dung, và phương pháp xét duyệt hoàn thành kế hoạch và trích lập các quỹ xí nghiệp sẽ do Bộ Thủy lợi hướng dẫn sau khi bàn bạc thống nhất với Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan.

e) Xí nghiệp thủy nông được lập quỹ dự phòng. Những năm thời tiết thuận lợi hoặc do cố gắng của xí nghiệp, phần đầu tăng thu, giảm hợp lý các khoản chi phí, nếu có lợi nhuận vượt kế hoạch, xí nghiệp được dành 50% số lợi nhuận vượt kế hoạch gửi vào một tài khoản riêng tại ngân hàng để dự phòng cho những năm thiên tai chi phí tăng.

Những năm thiên tai lớn (theo hướng dẫn của Bộ thủy lợi để đánh giá) xí nghiệp đề nghị cấp có thẩm quyền xét duyệt, sau khi được duyệt xí nghiệp được phép rút tiền ở quỹ dự phòng để bù đắp chi phí tăng. Nếu quỹ dự phòng không đủ bảo đảm, xí nghiệp được xét cấp hoặc tạm ứng bằng nguồn quỹ thủy nông của tỉnh hoặc bằng ngân sách địa phương.

### III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này thi hành kể từ ngày ký áp dụng thống nhất cho các xí nghiệp quản lý và khai thác thủy nông trong cả nước thay cho bản quy định tại Quyết định số 16-QĐLB ngày 21-10-1972 của liên Bộ Thủy lợi — Tài chính và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì cần sửa đổi, bổ sung, các địa phương cần kịp thời báo cáo về Bộ Tài chính và Bộ Thủy lợi để nghiên cứu sửa đổi.

K.T. Bộ trưởng  
Bộ Thủy lợi  
Thư trưởng  
VŨ KHẮC MÃN

K.T. Bộ trưởng  
Bộ Tài chính  
Thư trưởng  
LÝ TÀI LUẬN